TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GÒ CÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-4-2023
V/v "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Hằng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Hoàng Duy Hùng;
2. Bà Trần Thị Kim Duyên;
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 289/2022/TLST–HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn*: Chị **Hà Thị D**, sinh năm 1992 (Xin vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp CC, xã TP, huyện TH, tỉnh Long An.
***** *Bị đơn*: Anh **Phạm Văn Thông A**, sinh năm 1991 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp B, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Hà Thị D trình bày:

Chị D và anh T A qua tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BX, thị xã GC theo giấy chứng nhận kết hôn số 145 ngày 26/9/2017. Quá trình chung sống hạnh phúc được đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan đồng. Nay tình cảm không còn nên chị D yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Chị D và anh T A có 01 con chung tên Phạm Khánh H, sinh ngày 21/12/2014. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu anh T A cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

***** Bị đơn T A mặc dù được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng không nộp cho Tòa án Bản tự khai cũng như văn bản ghi ý kiến của mình. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T A nhưng do anh T A vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt anh T A và không hòa giải vụ án được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xét yêu cầu xin ly hôn và về con chung của chị D là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc quan hệ "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Hà Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Phạm Văn T A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh T A.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị D và anh T A tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BX, thị xã G C, giấy chứng nhận kết hôn số 145 ngày 26/9/2017 theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Quá trình chung sống có hạnh phúc thời gian đầu, từ năm 2018 đến nay thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được. Tình cảm không còn, chị D yêu cầu ly hôn.

Phía anh T A đã được triệu tập hợp lệ để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn mâu thuẫn nhưng anh T A vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh T A không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn giữa chị D và anh T A đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh T A theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị D và anh T A có 01 con chung tên Phạm Khánh H, sinh ngày 21/12/2014 hiện đang sống chung với chị D Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu anh T A cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét về điều kiện chăm sóc cháu H từ nhỏ đã được chị D chăm sóc. Theo nguyện vọng của cháu H muốn được tiếp tục sống chung với chị D. Để ổn định trong quá trình sinh hoạt, tại biên bản xác minh ngày 06/02/2023 chính quyền địa phương xác định chị D hiện đang chăm sóc con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, giao chị D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Anh T A không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[**4]** Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn T A.

- Về con chung: Giao cho chị Hà Thị D được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Khánh H, sinh ngày 21/12/2014; anh T A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí : Chị Hà Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007156 ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- UBND xã B X, TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

LÊ THỊ HẰNG